

XÂY DỰNG NỀN TƯ PHÁP NHÂN DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

✍ ĐẶNG VĂN CƯỜNG* - NGUYỄN VĂN ĐỒNG**

Ngày nhận: 17/11/2017

Ngày phản biện: 25/12/2017

Ngày duyệt đăng: 29/12/2017

Tóm tắt: Hiện nay Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang đẩy mạnh thực hiện công cuộc cải cách tư pháp nhằm hướng tới xây dựng một nền tư pháp dân chủ, tiến bộ, mang đậm tính nhân dân, phục vụ đắc lực cho lợi ích của nhân dân, cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Bài viết tập trung phân tích, luận giải nền tảng cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền tư pháp nhân dân; tư tưởng Hồ Chí Minh về cải cách hệ thống tư pháp và xây dựng nền pháp chế xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, đưa ra những đánh giá, kết luận và kiến nghị đối với công tác tư pháp ở Việt Nam.

Từ khóa: Cải cách tư pháp; Hồ Chí Minh; nền tư pháp nhân dân; xây dựng nền tư pháp.

BUILDING THE JUDICIARY ACCORDING TO THE HO CHI MINH'S THOUGHT

Abstract: At present, the Party, the State and people are stepping up the implementation of judicial reform in order to build a democratic, progressive and deeply democratic judiciary to serve the interests of The people, for the cause of building and developing the country. The paper focuses on analyzing and explaining the basic foundations of Ho Chi Minh's thought on the construction of the people's judiciary; Ho Chi Minh's idea of reforming the judicial system and building a socialist legal system. On that basis, the assessment, conclusions and recommendations for judicial work in Vietnam are made.

Keywords: Judicial reform; Ho Chi Minh; The people's judiciary; Building the judiciary.

1. Nền tảng để xây dựng nền tư pháp nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong công cuộc xây dựng nền tư pháp nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng tới tính nhân văn, với Người, tư pháp và pháp luật là do con người và vì con người, không theo kiểu tư pháp độc tôn. Trong tư tưởng của Người bao giờ cũng chú ý tới tính hài hoà, giải quyết mối quan hệ giữa người với người, giữa người với công việc trên nền tảng có lý, có tình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến quyền lực của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà phải thuộc về nhân dân, lợi ích phải vì dân. Đó là một nhà nước dân chủ - dân là chủ và dân làm chủ. Quan niệm về sự thống nhất giữa "đức trị" với "pháp trị" trong nhà nước pháp quyền trong tư tưởng Hồ Chí Minh có nguồn gốc sâu xa từ truyền thống văn hoá phương Đông và từ tấm gương trị nước của các vị vua chúa hiền minh trong lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên, vượt lên tất cả những ông vua đức độ và kẻ sĩ

hiền tài, trong quá trình lãnh đạo đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực thi triệt để vấn đề "đức trị" với "pháp trị" trên cơ sở cách mạng, khoa học và nhân nghĩa, nói đi đôi với làm, vì hạnh phúc của nhân dân [9]. Đồng thời, nhà nước đó phải vận hành và quản lý bằng một nền tư pháp dân, tiến bộ, hệ thống pháp luật nghiêm minh, kết hợp chặt chẽ với giáo dục đạo đức... Đó là cơ sở tư tưởng đặt nền móng hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp quyền, về công tác tư pháp.

Đối với từng lĩnh vực công tác, mỗi đối tượng khác nhau, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều có những tư tưởng tình cảm, lời dạy, nhắc nhở ân cần, Bác hiểu rõ đặc trưng, nhiệm vụ đặc thù của đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp, Người khẳng định: "Tư pháp là cơ quan trọng yếu của chính quyền". Cũng vì vậy, chỉ sau 10 ngày giành được chính quyền

* Văn phòng Luật sư Chính Pháp

** Trường Đại học Luật Hà Nội

(19/8/1945), dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 28/8/1945 Bộ Tư pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được thành lập, đánh dấu chặng đường xây dựng và trưởng thành của ngành tư pháp nước nhà. Hồ Chủ tịch dẫn dắt: tư cách đạo đức của cán bộ được đo bằng sự tin yêu, quý mến của người dân, với riêng cán bộ tư pháp phải lấy công việc phụng sự nhân dân làm lẽ sống, làm mục tiêu phấn đấu, đặt lợi ích của nhân dân, của dân tộc lên trên hết, phải tuân thủ pháp luật, giữ gìn và bảo vệ pháp luật [5].

Trong thư gửi Hội nghị công tác tư pháp tháng 2/1948, Người viết: *“Cán bộ tư pháp phải tuyệt đối trung thành, các bạn là những người phụ trách thi hành luật pháp, lẽ tất nhiên các bạn phải nêu cao tấm gương Phụng công thủ pháp, chí công vô tư cho nhân dân noi theo”*. Lời dạy này của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi vào tâm khảm mỗi người làm công tác tư pháp và nhân dân Việt Nam; nhưng hiểu và thực hiện cho đúng, cho đầy đủ, phù hợp với công cuộc cải cách tư pháp hiện nay là vấn đề rất đáng quan tâm.

Năm 1950, nói chuyện tại Hội nghị học tập của cán bộ ngành tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu yêu cầu trong công tác xử án: *“Phải công bằng, liêm khiết, trong sạch. Như thế cũng chưa đủ. Không thể chỉ hạn chế hoạt động của mình trong khung Tòa án. Phải gần dân, hiểu dân, giúp dân. Giúp dân, học dân để giúp mình thêm liêm khiết, thêm công bằng”* [6], từ lời dạy ấy khiến mỗi người dân Việt Nam thấm nhuần tư tưởng và quan niệm thẳng thắn của Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy như vậy để nhắc nhở về tình trạng cán bộ tư pháp xa dân, chỉ thuộc luật một cách máy móc, không hiểu cuộc sống thực của người dân, không hiểu phong tục, tập quán để có được những phán quyết thấu tình đạt lý, để người dân được “tâm phục khẩu phục”.

Về bản chất và nguồn gốc quyền lực tư pháp của nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: *“Cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ, quyền lực này là do Đảng hoặc Chính phủ, đoàn thể ủy cho họ quyền lãnh đạo mà có. Xét cho cùng, quyền lực đó cũng đều do nhân dân ủy thác ra với những thời hạn nhất định”* [7]. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, ý tưởng về một chế độ xã hội mới tốt đẹp, về một nền công lý dân chủ, tiến bộ, một nền tư pháp nhân dân đã xuất hiện từ rất sớm và tư tưởng xuyên suốt, nhất quán trong toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Nền tư

pháp nhân dân là một nền tư pháp gắn bó với dân, gần dân, vì dân, một nền tư pháp của những thẩm phán nhân dân, gần gũi với dân và hiểu dân chứ không phải là những quan tòa án xa vời khép kín cánh cửa công đường mà xử án tạo ra sự cách biệt với dân, tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện đậm nét qua các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp như: nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật, có sự tham gia của đại diện nhân dân vào việc xét xử của Tòa án, Tòa án xét xử công khai...

2. Cải cách tư pháp - điều kiện để xây dựng một nền tư pháp nhân dân

Một ngày sau khi đọc Tuyên ngôn độc lập khẳng định quyền con người và quyền của các dân tộc, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ (3/9/1945), trong 6 nhiệm vụ cấp bách, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra nhiệm vụ thứ ba là *“Chúng ta phải có ngay một Hiến pháp dân chủ; phải tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”* [3] để sớm có một Nhà nước hợp hiến do nhân dân bầu ra. Ngày 17/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh ấn định thể lệ Tổng tuyển cử, đến ngày 20/9/1945, Người ký Sắc lệnh số 34/SL thành lập ủy ban dự thảo hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà để chuẩn bị đệ trình Quốc hội thông qua, với tư tưởng *“pháp trị”* của Hồ Chí Minh đặc biệt thể hiện nổi bật ở việc bảo đảm tính khoa học, hiệu lực và nghiêm minh của pháp luật [9].

Chỉ hơn hai tháng sau khi tuyên bố độc lập (23/11/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh 64-SL về việc thành lập Ban Thanh tra đặc biệt và một Tòa án đặc biệt có nhiệm vụ giám sát và xét xử các sai phạm của các nhân viên từ trong các ủy ban nhân dân các cấp đến cơ quan cao nhất của chính quyền (các Bộ). Bốn ngày sau khi ký Sắc lệnh thành lập Ban Thanh tra đặc biệt và Tòa án đặc biệt, ngày 27/11/1945, Hồ Chí Minh lại ký tiếp Sắc lệnh ấn định hình phạt *“Tội đưa và nhận hối lộ”*, đưa và nhận hối lộ sẽ bị phạt từ 5 đến 20 năm khổ sai, và phải nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Đến cuối năm 1945, khi giao cho đồng chí Lê Giản phụ trách ngành Công an (Ty Liêm phóng), Người đã dặn rằng: *“Chú phụ trách ngành này là phải thiết diện vô tư, tức là mặt sắt không thiên vị. Nếu chú không thiết diện vô tư thì Bác sẽ thiết diện vô tư đối với chú”* thể hiện một quan điểm thẳng thắn, liêm chính ở Người. Như vậy, chỉ trong vòng 3-4 tháng sau ngày tuyên bố nước Việt Nam độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã

tập trung cao độ cho việc xây dựng bộ máy, trong đó có vấn đề chống tham nhũng, một trong những vấn đề lớn liên quan tới sự sống còn của chế độ mới. Ngay cả khi nói về Đảng, gắn với vấn đề pháp luật chống tham nhũng, Người khẳng định: *"Nếu cần có đảng phái thì sẽ là đảng dân tộc Việt Nam. Đảng đó sẽ chỉ có một mục đích làm cho dân tộc ta hoàn toàn độc lập. Đảng viên của đảng đó sẽ là tất cả quốc dân Việt Nam, trừ những kẻ phản quốc và những kẻ tham ô ra ngoài"*[3], trong lời dạy này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ngang hàng kẻ tham ô với kẻ phản quốc, hai tội danh này đều xếp vào khung hình phạt tử hình theo Quốc lệnh 10 điều thưởng và 10 điều phạt ngày 26/01/1946 do Hồ Chí Minh ký.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng xây dựng bộ máy các cơ quan tư pháp và xác định đây là cơ quan trọng yếu của chính quyền. Các cơ quan tư pháp theo Hiến pháp năm 1946 gồm các Tòa án (Tòa án tối cao, các Tòa án phúc thẩm, các Tòa án đệ nhị cấp và sơ cấp), trong thời kỳ này, cơ quan công tố là một bộ phận tổ chức bên trong Tòa án; lịch sử xây dựng và phát triển của cơ quan công tố (nay là Viện kiểm sát nhân dân) gắn liền với quá trình cải cách tư pháp ở nước ta và chịu sự chi phối một cách trực tiếp của quá trình cải cách đó; từ năm 1946 đến năm 1950, hệ thống cơ quan công tố được tổ chức nằm trong cơ cấu của Tòa án, do Bộ Tư pháp quản lý. Tuy nhiên, Bộ trưởng Bộ Tư pháp không có quyền trực tiếp làm nhiệm vụ công tố. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của Tòa án, Đảng ta đã chỉ đạo xây dựng hệ thống Tòa án các cấp. Năm 1950, cùng với việc thành lập hệ thống Tòa án nhân dân các cấp, tổ chức và hoạt động của cơ quan công tố đã có những thay đổi đáng kể. Hệ thống Thẩm phán gồm: thẩm phán ngồi (là các thẩm phán thực hiện nhiệm vụ xét xử) và thẩm phán đứng (là các thẩm phán thực hiện nhiệm vụ công tố). Hồ Chí Minh coi phát triển tư pháp là cơ sở để xã hội phát triển. Người đưa ra khẳng định: *"Tư pháp có tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt người dân mới có được hệ thống pháp luật bảo vệ"*[8].

Tư tưởng về pháp chế cách mạng, pháp chế xã hội chủ nghĩa thể hiện rõ nét trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mặc dù thuật ngữ đó không được sử dụng trong Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959. Tư tưởng đó thể hiện ở chỗ, tại mục A, chương II của Hiến pháp năm 1946 dành ra 2 điều quy định nghĩa vụ của công dân, thì nghĩa vụ tôn trọng Hiến pháp, tuân theo pháp luật được đặt ra ngay sau nghĩa

vụ bảo vệ Tổ quốc. Hiến pháp năm 1959 thể hiện điều đó rõ nét và đầy đủ hơn khi quy định: *"Tất cả nhân viên cơ quan nhà nước đều phải... tuân theo Hiến pháp và pháp luật...; Nhà nước chiếu theo pháp luật bảo hộ quyền sở hữu về đất đai... về tư liệu sản xuất... của nông dân, người lao động riêng lẻ, tư sản dân tộc; công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, kỷ luật lao động, trật tự công cộng và những quy tắc sinh hoạt công cộng"*[8].

Bắt nguồn từ tư tưởng yêu nước, thương dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi vừa giành được chính quyền dân chủ nhân dân, mặc dù phải đối phó với thù trong, giặc ngoài (giặc ngoại xâm, giặc đói, giặc dốt,...) và muôn vàn khó khăn, vẫn dành nhiều thời gian cho việc quy định chế định *"tư pháp bảo trợ"*, mà thực chất là trợ giúp pháp lý hiện nay - để hoạt động điều tra, xét xử tội phạm được bảo đảm tiến hành như quy trình tố tụng của các quốc gia văn minh, tiến bộ khác. Tư tưởng này xuất phát từ yêu cầu bảo vệ uy tín của Nhà nước dân chủ nhân dân non trẻ trong nhiệm vụ bảo vệ người dân, tránh oan sai, lạm quyền hoặc ức hiếp dân, cũng như không để lọt tội phạm. Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, nhằm bảo đảm có luật sư thực hiện bào chữa cho bị can, bị cáo trước các phiên xét xử tại Tòa án của chế độ dân chủ nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 10/SL ngày 10/10/1945 về việc duy trì tổ chức luật sư cũ. Hiến pháp 1946 (Điều 67) quy định: *"Người bị cáo được quyền tự bào chữa lấy hoặc mượn luật sư"*, ngay sau đó Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký các Sắc lệnh 13/SL ngày 24/1/1946, trong đó có quy định về chế độ Tư pháp bảo trợ: *"Nếu bị can không có ai bên vực, ông Chánh án sẽ cử một luật sư hoặc một bào chữa viên để bào chữa"*. Đặc biệt, tại Sắc lệnh số 113/SL ngày 28/6/1946 về lệ phí và án phí (Điều 7) cũng quy định: *"Nguyên cáo hoặc bị cáo trong một việc hộ có quyền xin tư pháp bảo trợ"*[4], như vậy có thể thấy chế định bảo trợ tư pháp cũng được áp dụng đối với các vụ việc dân sự do tòa xét xử.

Sắc lệnh số 217/SL ngày 22/11/1946 quy định về việc các vị thẩm phán đệ nhị cấp (tỉnh và khu) có bằng Luật khoa cử nhân có thể ra làm luật sư với các điều kiện thời gian cụ thể, nếu có 3 năm thực hành chức vụ tư pháp trước các Tòa án không phải tập sự, chưa đủ 3 năm phải tập sự luật sư thêm; nếu là Thẩm phán tại một quân hạt Tòa thượng thẩm, mới thôi chức 1 năm thì không được mở Văn phòng luật sư ở quân hạt đó, vì vị Thẩm phán này vẫn có

thể còn ảnh hưởng trong địa hạt và đặc biệt, không bị liên đới đến những vụ phải xử phúc thẩm và án kéo dài. Do số lượng luật sư còn quá nhỏ không đủ đáp ứng nhu cầu nên Sắc lệnh số 69/SL ngày 18/6/1949 và Sắc lệnh số 144/SL ngày 22/12/1949 đã quy định về việc mở rộng chế độ bào chữa, cho phép các bị can, bị cáo có thể nhờ một công dân không phải là luật sư bênh vực trước các Tòa án (trừ Tòa án binh tại mặt trận). Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh giáo dục nhân dân hiểu biết về pháp luật là cần thiết, vì điều đó tạo ra tính chủ động của người dân trong thực thi pháp luật. Nhưng cán bộ - nhất là cán bộ ngành tư pháp - làm gương trong việc tuân thủ pháp luật cũng rất cần thiết.

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đạo đức và pháp luật là hai mặt không thể tách rời trong người cán bộ pháp lý. *"Có thẩm nhuần đạo đức vô sản, có thẩm nhuần đức nhân của đạo đức thì người cán bộ pháp lý mới làm tốt công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật"*. Pháp luật đi đôi với đạo đức, xây dựng một nền pháp quyền nhân nghĩa là nét hết sức độc đáo của tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật. Tư tưởng đó có cội rễ hết sức sâu xa từ truyền thống, thẩm nhuần đạo lý nhân bản của dân tộc song hành với tư tưởng về pháp lý của thế giới. Đó chính là sự kết tụ tinh hoa của dân tộc với những giá trị thời đại trong con người Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đề cao vai trò của pháp luật Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời hết sức quan tâm đến vấn đề làm thế nào để pháp luật được thực thi, Người cho rằng trước hết pháp luật phải đầy đủ và chính xác, sau đó pháp luật phải đến được với người dân, làm cho dân hiểu rõ pháp luật để sống và làm theo pháp luật. Bởi vậy, Người từng nói: *"Một nhà nước vững mạnh, có hiệu lực phải là một nhà nước làm cho mọi người dân biết sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước pháp quyền chỉ phát huy hiệu lực của mình khi nó biết kết hợp giáo dục đạo đức và pháp luật trong quản lý xã hội và nhà nước"*. Người yêu cầu những người thực thi, thi hành pháp luật phải công tâm, minh bạch, nghiêm minh. Cũng trong Lễ tuyên thệ cho các Thẩm phán mới, Người nhắc nhở: *"Thẩm phán của nước Việt Nam mới, phải chí công vô tư, không được để cho nén bạc đâm toạc tờ giấy"*[8], Người đã nêu cao đức thanh liêm, đề cao hai chữ "công tâm" của người cán bộ tư pháp và yêu cầu không để lợi ích cá nhân làm mờ mắt mà làm sai pháp luật.

Trong hoạt động của mình Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã nêu tấm gương sáng về việc tuân thủ luật pháp, tôn trọng kỷ cương. Bản thân Người luôn đề cao và coi trọng phép nước, thiết diện vô tư, kiên quyết, cứng rắn, công bằng, công minh. Đối với người cán bộ tư pháp, Người không chỉ đòi hỏi cán bộ tư pháp là những người phụ trách thi hành pháp luật, nên lẽ dĩ nhiên, phải hết lòng vì cái chung, vì nhân dân mà bảo vệ pháp luật, bảo đảm sự công bằng, công minh trong việc áp dụng pháp luật với tinh thần cao nhất, đó là những tiêu chuẩn làm nên bản chất mới của cán bộ tư pháp, suy rộng ra là của cả nền tư pháp mới. Người đã từng căn dặn người cán bộ tư pháp phải công bằng, không được lẫn lộn giữa công và tội, có công thì được thưởng, có lỗi thì phải bị phạt và không vì công mà quên lỗi, không vì lỗi mà quên công, Người quan niệm: *"Công tác tư pháp suy cho cùng là ở đời và làm người"*.

Trong bài phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị Tư pháp toàn quốc năm 1950, Người nhấn mạnh đến vai trò, ý nghĩa của pháp luật: *"Pháp luật của ta hiện nay bảo vệ quyền lợi cho hàng triệu người lao động, Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động... Người nào sử dụng quyền tự do quá mức của mình mà phạm đến tự do của người khác là phạm pháp"*, Người căn dặn: *"Phải cố gắng làm cho luật pháp dân chủ ngày càng nhiều hơn, tốt hơn. Thêm nữa là phải luôn luôn cố gắng học tập lý luận, học tập đường lối chính sách của Chính phủ"*. Người hết sức quan tâm tới việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, làm cơ sở để mọi người dân và cán bộ tôn trọng, thực hiện. Trong suốt thời gian giữ cương vị Chủ tịch nước, Người đã hai lần đứng đầu Ủy ban soạn thảo Hiến pháp (Hiến pháp 1946 và 1959); đã ký lệnh công bố 16 luật, 613 sắc lệnh và nhiều văn bản dưới luật khác [7]. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người có công lớn nhất trong sự nghiệp lập hiến và lập pháp. Nhưng điều quan trọng hơn là Người tập trung chỉ đạo đưa pháp luật vào thực tiễn cuộc sống, làm cho pháp luật có hiệu lực trong thực tế, tạo cơ chế bảo đảm cho pháp luật được thực thi.

Liên hệ với thực tiễn cải cách tư pháp ở nước ta thời điểm hiện nay cho thấy, chất lượng xét xử của ngành tòa án nhiều năm qua không ngừng được nâng lên nhưng cùng với sự tiến bộ của dân chủ, sức mạnh giám sát của nhân dân, của báo chí mà nhiều vụ án oan sai đặc biệt nghiêm trọng được đưa ra ánh sáng,

hiều người bị oan được minh oan, được xin lỗi, bồi thường. Các vụ án Huỳnh Văn Nén (Bình Thuận); Nguyễn Thanh Chấn, Trần Văn Thêm, Hàn Đức Long (Bắc Giang), Bùi Văn Hải (Đồng Nai), Lương Ngọc Phi (Thái Bình), Trần Văn Chiến (Tiền Giang), Nguyễn Minh Hùng (Tây Ninh)... thật sự gây chấn động dư luận về những vi phạm tố tụng diễn ra tại các cơ quan điều tra truy tố, xét xử dẫn đến oan sai đặc biệt nghiêm trọng. Rõ ràng, tư pháp chưa làm tốt, người dân vô tội đã không được pháp luật bảo vệ. Do đó, mục tiêu quan trọng của cải cách tư pháp là: *"Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"*[9] được nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" [2] là rất thiết thực.

Rõ ràng, tư pháp chưa làm tốt, người dân vô tội đã không được pháp luật bảo vệ. Do đó, mục tiêu quan trọng của cải cách tư pháp là: *"Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"*[9] được nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" là rất thiết thực. Trên tinh thần kế thừa các bản Hiến pháp trước đó, đặc biệt là Hiến pháp 1946 với tư tưởng Hồ Chí Minh về phân công, kiểm soát quyền lực, Hiến pháp năm 2013 đã có một bước tiến mới, lần đầu tiên trong Hiến pháp nước ta chỉ rõ Quốc hội thực hiện quyền lập hiến (không còn là duy nhất có quyền lập hiến như Hiến pháp năm 1992), quyền lập pháp (Điều 69), Chính phủ thực hiện quyền hành pháp (Điều 94) và Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp (Điều 102). Việc xác nhận các cơ quan khác nhau thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp là một thay đổi quan trọng, tạo điều kiện để làm rõ vị trí, vai trò, nhiệm vụ quyền hạn của mỗi quyền.

Để bảo đảm nhà nước pháp quyền có hiệu lực mạnh, với tư tưởng "tìm người tài đức", chiêu hiền đãi sĩ, cầu người hiền tài, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới việc xây dựng đội ngũ cán bộ công chức vừa *"hồng"* vừa *"chuyên"*. *"Hồng"* ở đây là nói tới phẩm chất đạo đức của người cán bộ công chức, mà hàng đầu và xuyên suốt là ý thức và tinh thần tận tụy phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Còn *"Chuyên"* là nói

tới năng lực thực tế của công chức Việt Nam nói chung và năng lực trong việc giữ một nhiệm vụ cụ thể trong bộ máy nhà nước nói riêng với tinh thần *"Làm nghề gì cũng phải học"* và *"Làm nghề gì phải giỏi nghề đó"*[3].

Từ thực tiễn cho thấy, toà án là nơi giám sát kết quả hoạt động của cả hệ thống tư pháp, ngay cả việc thi hành án ở khâu cuối cùng của tố tụng hình sự, tố tụng dân sự cũng như tố tụng hành chính còn gặp nhiều khó khăn cũng phải xem xét từ cội nguồn của vấn đề là chất lượng bản án. Bản án công bằng, vô tư luôn tạo ra sức mạnh và tính chính đáng của hệ thống cơ quan tư pháp. Theo Nghị quyết 49 *"Tổ chức hệ thống toà án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính cấp huyện; toà án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; toà án phúc thẩm có nhiệm vụ chủ yếu xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số vụ án; Toà thượng thẩm được tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm; Toà án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm"* [1]. Việc nghiên cứu cải cách Toà án, phải xuất phát từ yêu cầu cơ bản của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền là đảm bảo tính độc lập của Toà án. Trong hệ thống các cơ quan tư pháp hiện nay, cơ quan điều tra tuy hoạt động độc lập theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự nhưng do cơ chế tổ chức cán bộ, Thủ trưởng cơ quan điều tra có thể kiêm nhiệm một chức vụ hành chính như Tổng cục trưởng, Phó giám đốc Công an tỉnh, Phó trưởng Công an huyện nên hoạt động điều tra khó tránh khỏi sự chỉ đạo mang tính hành chính. Ở ngành Kiểm sát, do đặc thù của ngành về tính tập trung thống nhất, kiểm sát viên ngoài việc thực hiện thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật, còn bị chỉ đạo mang tính hành chính của Viện trưởng Viện kiểm sát. Vì vậy, cần xây dựng tính độc lập của Toà án như một thành lũy cuối cùng để giảm thiểu tối đa sự can thiệp từ bên ngoài vào hoạt động của Toà án.

Xây dựng mô hình Toà án một mặt tạo thuận lợi cho việc thực hiện quyền lực nhà nước nhưng cũng cần quan tâm đến lợi ích của công dân khi có việc phải hệ lụy đến chốn pháp đình. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng cơ quan tư pháp phải *"gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân"* vẫn cần được quán triệt khi thiết kế phạm vi quản

hạt của Toà án. Một người dân khi tham gia tố tụng ở toà án cấp sơ thẩm có phạm vi quản hạt quá lớn là không thích hợp, nhất là ở những nơi còn khó khăn về giao thông. Chính vì vậy, để cải cách tổ chức Toà án phải đặt ra mục tiêu góp phần làm cho công tác xét xử được “công bằng, liêm khiết”. Nếu Thẩm phán, công chức Tòa án không còn giữ được nguyên tắc công bằng trên nền tảng tối thượng của pháp luật; không giữ mình liêm khiết trong sạch thì chắc chắn không thể phán quyết những bản án, đưa ra những quyết định khách quan, đúng pháp luật. Thực tế cho thấy không ít Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã sa ngã vào tiêu cực, chạy án, có trường hợp bị truy tố trước pháp luật. Dư luận cho rằng đó chỉ là phần nổi của tảng băng chìm, phản ánh mặt trái của hoạt động tư pháp rất phức tạp ở một số địa phương hiện nay.

3. Một số đánh giá về thực tiễn xây dựng nền tư pháp Việt Nam

Sau khi Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” được ban hành đến nay, cùng với sự vận dụng kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tư pháp, nền tư pháp nước ta đã thu được những kết quả sau:

3.1. Những thành tựu đạt được

Một là, tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp từng bước được kiện toàn và xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ. Thực hiện có hiệu quả chủ trương tăng thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân cấp huyện; mở rộng thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân đối với các khiếu kiện hành chính. Về cơ quan điều tra, giữ nguyên hệ thống, gồm: Bộ Công an (có An ninh điều tra, Cảnh sát điều tra); Bộ Quốc phòng (có Điều tra hình sự, An ninh điều tra); Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có cơ quan điều tra, thu gọn đầu mối ở từng cơ quan.

Hai là, đội ngũ Luật sư đã có bước trưởng thành và càng được xã hội thừa nhận. Năm 1980, Luật sư chưa được ai công nhận. Hiện nay đội ngũ Luật sư nước ta có trên 10.000 Luật sư chính thức; 4.000 Luật sư tập sự.

Ba là, hoạt động mở rộng hợp tác quốc tế về tư pháp được mở rộng phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế. hiện nay, Việt Nam đã có quan hệ với hơn 80 quốc gia, tổ chức quốc tế về tư pháp. Năm 2012, Việt Nam trở thành thành viên của công tố viên quốc tế; tham gia nhiều hoạt động của

quốc tế về tư pháp như: hội nghị LaHay về Tư pháp quốc tế năm 2013; hội đồng nhân quyền Liên Hợp quốc năm 2014...

Bốn là, phương thức lãnh đạo của Đảng và Công tác giám sát của các cơ quan dân cử đối với các cơ quan tư pháp tiếp tục đổi mới. Đảng lãnh đạo, cử cán bộ tham gia vào các kế hoạch, quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ bổ sung vào các cơ quan tư pháp. Kết quả cải cách tư pháp đã góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

3.2. Những tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, việc thực hiện một số nhiệm vụ cải cách tư pháp còn chậm, chưa theo đúng lộ trình của Chiến lược cải cách tư pháp.

Thứ hai, việc nghiên cứu, xác định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cơ chế phân bổ ngân sách và việc đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ của các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp vẫn còn chậm.

Thứ ba, một số cán bộ tư pháp có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu dẫn đến tình trạng oan sai trong xét xử.

Thứ tư, công tác giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với hoạt động tư pháp hiệu quả thấp.

Thứ năm, sự phối hợp giữa cấp ủy, tổ chức đảng các cơ quan tư pháp Trung ương với các cấp ủy địa phương và giữa các cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan tư pháp với nhau trong việc lãnh đạo thực hiện một số nhiệm vụ cải cách tư pháp chưa thực sự chặt chẽ.

Thứ sáu, nhận thức của một số cán bộ, đảng viên về trách nhiệm triển khai thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp chưa thực sự đầy đủ, nhất quán; chưa thể hiện quyết tâm cao trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại cơ quan, tổ chức.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Từ thực tiễn công tác xây dựng và cải cách nền tư pháp ở nước ta từ thời kỳ lập quốc tới nay, với vai trò dẫn dắt, định hướng của tương tượng Hồ Chí Minh, có thể đưa ra một số kết luận sau:

Một là, với vai trò định hướng của tư tưởng Hồ Chí Minh công cuộc cải cách tư pháp trải qua các

thời kỳ đã có những bước tiến lớn, mang tính đột phá, tạo nền tảng và hành lang pháp lý thuận lợi cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cũng đồng thời tạo điều kiện cho các cơ quan tư pháp và hệ thống Tòa án hoạt động có hiệu quả hơn. Công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay cũng đã đặt ra những lộ trình cụ thể và những mục tiêu, nhiệm vụ cho từng cơ quan để đạt được sự đồng bộ về mọi mặt đó, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Hai là, bằng những hoạt động cụ thể của mình trên lĩnh vực tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt nền móng cho sự ra đời của nền tư pháp Việt Nam, để xây dựng một nhà nước dân chủ của dân, do dân và vì dân, vận hành quản lý bằng pháp luật kết hợp chặt chẽ với việc giáo dục đạo đức, là sự thống nhất của “Đức trị” và “Pháp trị”.

Ba là, di sản tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề xây dựng và cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước và hệ thống pháp luật vẫn còn nguyên những giá trị mang tầm thời đại, nhất là khi Đảng và Nhà nước ta đang tiến hành công cuộc đổi mới, đẩy mạnh hơn nữa hoạt động cải cách tư pháp, nhằm xây dựng một nền tư pháp dân chủ, tiến bộ.

Bốn là, công cuộc xây dựng ngành tư pháp nói riêng và hệ thống pháp luật nói chung có tiến bộ và gặt hái được nhiều thành tựu quan trọng; đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp và cơ sở vật chất của các toà án tiếp tục kiện toàn, bổ sung; công tác tổng kết kinh nghiệm xét xử, xây dựng và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật đạt hiệu quả, chất lượng cao hơn và có nhiều đóng góp quan trọng vào việc hoàn thiện các văn bản pháp luật.

Năm là, từ thực tiễn xây dựng nền tư pháp nhân dân lấy tư tưởng Hồ Chí Minh định hướng cho mọi hành động, việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của công tác cải cách tư pháp tại các địa phương trên cả nước được đẩy mạnh, nhìn vào quá trình đi lên của ngành tư pháp qua các giai đoạn đều gặt hái được những thành quả nhất định, đổi mới hình thức xét xử tại các phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp; đề cao và ưu tiên các phiên tòa có hoạt động tranh tụng của đội ngũ luật sư và kiểm sát viên, mô hình và thủ tục xét xử cũng được đổi mới. Hệ thống bộ máy, nhân sự ngành tư pháp được kiện toàn từ trung ương đến địa phương.

4.2. Kiến nghị

Xuất phát từ những tồn tại, hạn chế trong thực tiễn

xây dựng và cải cách tư pháp ở nước ta, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện một số vấn đề sau:

Thứ nhất, cần sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật trong lĩnh vực tư pháp nói chung và trong lĩnh vực xét xử nói riêng.

Thứ hai, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp, trong đó Đảng lãnh đạo chặt chẽ hoạt động tư pháp và các cơ quan tư pháp và chính trị, tổ chức và cán bộ.

Thứ ba, hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp theo hướng tin gọn, chuyên nghiệp. Trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện tổ chức hoạt động của tòa án nhân dân.

Thứ tư, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh. Nhất là hoàn thiện các chế định hỗ trợ tư pháp, đào tạo bồi dưỡng, phát triển đội ngũ luật sư đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trình độ chuyên môn để công tác xét xử diễn ra công bằng, đúng pháp luật, tránh oan sai.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử đối với lĩnh vực tư pháp và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan tư pháp.

Thứ sáu, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi xét xử là khâu đột phá của hoạt động tư pháp; từng bước xã hội hóa một số hoạt động hỗ trợ tư pháp. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị, *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 2/6/2005, Hà Nội, 2005.
2. Đinh Thế Huynh, Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Việt Thông, *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr. 264.
3. Võ Nguyên Giáp, *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 26.
4. Đặng Xuân Kỳ, *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Báo cáo Đề tài cấp nhà nước - KX02-03, Hà Nội, 1995, tr. 55.
5. Hồ Chí Minh, *Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Pháp lý, Hà Nội, 1985, tr. 185.
6. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 6, tr. 11.
7. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 4, tr. 3.
8. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 6, tr. 232.
9. Song Thành, *Tư tưởng pháp quyền Hồ Chí Minh - Sự thống nhất giữa Đức trị và Pháp trị*, Viện Khoa học Pháp lý, Hà Nội, 1993, tr. 29.